Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB - HSX)

Báo cáo nhanh — Ngày 31/10/2024

Tăng tỷ trọng

Giá mục tiêu: VNĐ13,800
Tiềm năng tăng/giảm: 18.5%

Giá cổ phiếu (đồng) (29/10/2024)	11,650
Mã Bloomberg	OCB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	10,458-13,249
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	11,517
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	28,726
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	1,135
Slg CP lưu hành (tr.đv)	2,466
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	542
Slg CP NN được mua (tr.đv)	23.4
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	22.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	21.1%
Tỷ lệ freefloat	74.2%
Cổ đông lớn	NH Aozora (15.0%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá

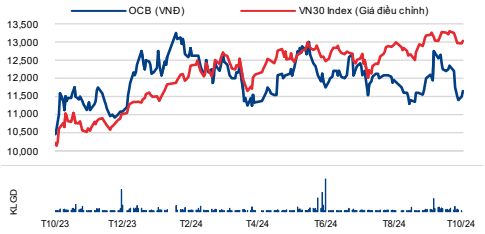

Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
Tổng tài sản (ntđ)	240	269	305
Dư nợ cho vay (ntđ)	148	168	195
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	8.94	10.4	12.1
Lợi nhuận thuần (ntđ)	3.30	4.01	4.68
BVPS (đồng)	13,887	13,264	15,161
EPS (đồng)	1,608	1,626	1,897
DPS (đồng)	-	-	-
T.trưởng cho vay KH (%)	23.3	13.9	15.9
T.trưởng thu nhập HĐ (%)	4.74	16.7	15.9
Tăng trưởng EPS (%)	(5.88)	1.14	16.7
Tăng trưởng DPS (%)	-	-	-
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	-	-	-
ROAE (%)	12.3	13.1	13.3
ROAA (%)	1.52	1.58	1.63
Tỷ lệ NIM (%)	3.39	3.59	3.72
Tỷ lệ CIR (%)	35.5	34.8	33.3
Hệ số CAR (%)	11.3	11.3	11.3
Tỷ lệ nợ xấu (%)	4.66	3.09	2.69
LLR/nợ xấu (%)	36.4	53.8	58.2
Hệ số LDR (%)	117	117	117
P/B (lần)	0.84	0.88	0.77
P/E (lần)	7.25	7.16	6.14
Lợi suất cổ tức (%)	-	-	-

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

OCB là một NH quy mô vừa phải tập trung vào phân khúc SME và bán lẻ. Chiến lược phát triển thận trọng giúp ngân hàng duy trì tỷ lệ CAR cao và ROE tầm trung.

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Bảo Ngọc
Chuyên Viên , Ngành Dịch Vụ Tài Chính
ngoc.nguyenbao@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4869

Lê Khánh Tùng
Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.lkhanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4844

Thêm một quý thất vọng, KQKD thấp hơn đáng kể so với dự báo

- KQKD Q3/2024 thấp hơn đáng kể so với dự báo của chúng tôi với LNTT Q3/2024 giảm 68% và LNTT 9 tháng đầu năm 2024 chỉ bằng 51% dự báo cả năm của chúng tôi. Chi phí dự phòng tăng mạnh và lỗ ở mảng kinh doanh nguồn vốn đã gây sức ép lên lợi nhuận thuần.
- Mảng ngân hàng cốt lõi hồi phục khiêm tốn. Tăng trưởng tín dụng vừa phải đạt 9% kể từ đầu năm, sát với dự báo của chúng tôi. Trong khi đó, tỷ lệ NIM thu hẹp 9 điểm cơ bản so với quý trước xuống 3,4% và tỷ lệ nợ xấu gộp tăng lên 4,1% từ 3,9% trong Q2/2024.
- Sau khi giá cổ phiếu giảm 6% trong 3 tháng qua, OCB đang giao dịch với P/B dự phóng năm 2024 là 0,88 lần, thấp hơn đáng kể so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 1,24 lần. HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giá mục tiêu 13.800đ cho đến khi hoàn thành đánh giá toàn diện hơn.

Sự kiện: KQKD Q3/2024 thấp hơn dự báo

KQKD Q3 gây thất vọng và thấp hơn đáng kể so với dự báo của chúng tôi với lợi nhuận hoạt động trước trích lập dự phòng đạt 1,4 nghìn tỷ đồng, giảm 18% so với cùng kỳ và LNTT đạt 440 tỷ đồng, giảm 68% so với cùng kỳ. Sự sụt giảm này chủ yếu do chi phí dự phòng tăng gấp đôi – chúng tôi cho rằng OCB đã trích lập dự phòng đáng kể trong quý trong quá trình làm sạch bảng CĐKT – và tổng thu nhập hoạt động giảm 7% so với cùng kỳ (do lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối giảm 62% và mảng mua bán trái phiếu lỗ 33 tỷ đồng (Q3/2023 lãi 220 tỷ đồng)).

Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, LNTT đạt 2,5 nghìn tỷ đồng, giảm 35% so với cùng kỳ, bằng 51% dự báo cả năm và thấp hơn dự báo 9 tháng của chúng tôi.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 30/10.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q3 & 9 tháng đầu năm 2024, OCB

Tỷ đồng	Q3/23	Q3/24	% so với cùng kỳ	9T2023	9T2024	% so với cùng kỳ	% 2024F của HSC
Thu nhập lãi thuần	**1,865**	**2,065**	**11%**	**5,434**	**5,952**	**10%**	**70%**
Thu nhập ngoài lãi	**603**	**227**	**-62%**	**1,487**	**899**	**-40%**	**46%**
Lãi thuần HĐ dịch vụ	171	199	16%	545	468	-14%	68%
Lãi thuần HĐKD ngoại hối	175	66	-62%	286	289	1%	65%
Lãi thuần mua bán trái phiếu	220	(33)	-115%	553	(122)	-122%	-27%
Thu nhập thuần khác	37	(4)	-112%	103	264	157%	70%
Thu nhập từ góp vốn/mua cổ phần	-	-		-	-		
Tổng thu nhập HĐ	**2,468**	**2,292**	**-7%**	**6,921**	**6,851**	**-1%**	**66%**
Chi phí HĐ	(802)	(919)	15%	(2,223)	(2,742)	23%	75%
Lợi nhuận HĐ trước trích lập dự phòng	**1,666**	**1,373**	**-18%**	**4,698**	**4,109**	**-13%**	**60%**
Chi phí dự phòng	(312)	(933)	200%	(783)	(1,556)	99%	87%
LNTT	**1,355**	**440**	**-68%**	**3,915**	**2,553**	**-35%**	**51%**
Lợi nhuận thuần	**1,083**	**347**	**-68%**	**3,131**	**2,018**	**-36%**	**50%**

Nguồn: OCB, HSC

Xin vui lòng xem nội dung chi tiết về xung đột lợi ích và khuyến cáo cuối báo cáo này

Document downloaded by Toan nt (Techcombank)

Thu nhập lãi thuần tăng trưởng khiêm tốn nhờ tín dụng tăng trưởng vừa phải

Mảng ngân hàng cốt lõi đạt kết quả khiêm tốn với thu nhập lãi thuần tăng 11% so với cùng kỳ, trong đó tín dụng tăng trưởng vừa phải và tỷ lệ NIM giảm nhẹ.

Tín dụng tăng trưởng vừa phải: Tăng trưởng tín dụng được cải thiện trong Q3/2024, đạt 9% kể từ đầu năm và 3,7% so với quý trước – phù hợp với xu hướng ngành và sát với dự báo của chúng tôi. Phân khúc khách hàng doanh nghiệp nhiều khả năng vẫn là động lực tăng trưởng chính.

Tổng huy động (tiền gửi khách hàng và giấy tờ có giá) tăng 5,3% cả so với đầu năm và so với quý trước, tương đương hệ số LDR điều chỉnh (= tổng tín dụng/(tổng huy động)) là 95,4%, giảm từ 96,9% trong Q2/2024.

Tỷ lệ NIM giảm nhẹ so với quý trước: Tỷ lệ NIM Q3/2024 đạt 3,4%, giảm nhẹ 9 điểm cơ bản so với quý trước (giảm 31 điểm cơ bản so với cùng kỳ), thấp hơn dự báo của chúng tôi nhưng sát với xu hướng ngành. Sự sụt giảm này chủ yếu do lợi suất gộp (giảm 18 điểm cơ bản so với quý trước và giảm 208 điểm cơ bản so với cùng kỳ) giảm mạnh hơn so với chi phí huy động (giảm 13 điểm cơ bản so với quý trước và giảm 196 điểm cơ bản so với cùng kỳ).

Mảng kinh doanh nguồn vốn kém tích cực tiếp tục làm giảm thu nhập ngoài lãi

Thu nhập ngoài lãi Q3 giảm mạnh 62% so với cùng kỳ do thu nhập HĐ kinh doanh nguồn vốn sụt giảm và thấp hơn dự báo của chúng tôi. Lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối và lãi mua bán trái phiếu giảm lần lượt 62% và 115% (Q3/2024 lỗ 33 tỷ).

HĐKD trái phiếu ghi nhận lỗ 33 tỷ đồng trong quý, lũy kế 9 tháng năm 2024 lỗ 122 tỷ đồng (giảm 122% so với cùng kỳ). HSC tin rằng OCB đã bán kiếm lời chênh lệch giá danh mục trái phiếu giao dịch có lợi suất cao trong năm 2023, từ đó chỉ còn dư địa nhỏ cho HĐKD trái phiếu trong năm 2024, trong khi lợi suất TPCP kỳ hạn 10 năm tăng lên khoảng 2,7-2,8% từ mức nền thấp 2,3% vào đầu năm nay.

Chất lượng tài sản cải thiện chậm hơn kỳ vọng

Tỷ lệ nợ xấu gộp tăng nhẹ: Tỷ lệ nợ xấu chính thức vẫn ở mức cao là 3,1%, đi ngang so với quý trước. Ngoài ra, các khoản vay chờ xử lý tăng 14% so với quý trước lên 1.503 tỷ đồng (trước đó đã giảm một nửa trong 6 tháng đầu năm 2024) và bằng 0,9% dư nợ cho vay (tăng từ 0,8% trong Q2/2024 và giảm từ đỉnh 2% trong Q4/2023). Kết quả tiêu cực này phản ánh những khó khăn trong việc thanh lý tài sản, có thể do (1) vướng mắc pháp lý, theo chia sẻ của OCB và (2) sự hồi phục không đồng đều trên thị trường BĐS.

Nhìn chung, nếu bao gồm khoản mục này, tỷ lệ nợ xấu gộp sẽ là 4,1%, tăng nhẹ từ 3,9% trong Q2/2024 nhưng vẫn thấp hơn mức đỉnh 4,7% vào Q4/2023.

Chi phí dự phòng tăng mạnh do xử lý nợ xấu: Chi phí dự phòng tăng mạnh gấp đôi so với cùng kỳ trong Q3/2024, lũy kế chi phí dự phòng 9 tháng đầu năm 2024 là 1,6 nghìn tỷ đồng (tăng 99% so với cùng kỳ), bằng 87% dự báo cả năm của chúng tôi. Từ đó, chi phí tín dụng theo quý và kể từ đầu năm lần lượt là 0,6% và 1,3%, tăng từ lần lượt 0,2% và 0,8% cùng kỳ năm ngoái.

OCB có vẻ đã trích lập mạnh dự phòng trong quý trong quá trình làm sạch bảng CĐKT. Tỷ lệ nợ xấu được xóa trên tổng dư nợ bình quân tăng mạnh lên 0,5% trong Q3/2024, cao hơn gấp đôi so với bình quân 5 năm ở mức 0,2%. Điều này nhiều khả năng là do nỗ lực kiểm soát tỷ lệ nợ xấu vốn đã ở mức cao để bù đắp sự gia tăng của nợ xấu mới hình thành (0,7% trong Q3/2024, so với bình quân 5 năm là 0,4%).

Theo BLĐ, các khoản vay chờ xử lý đã được trích lập dự phòng đầy đủ trong năm 2023 và sẽ không phải trích lập thêm dự phòng – điều này nghĩa là chi phí dự phòng tăng mạnh phản ánh tác động của nợ xấu nội bảng chính thức.

Xin vui lòng xem nội dung chi tiết về xung đột lợi ích và khuyến cáo cuối báo cáo này

Document downloaded by Toan nt (Techcombank)

HSC duy trì khuyến nghị, giá mục tiêu và dự báo cho đến khi hoàn thành đánh giá toàn diện hơn

Nhìn chung, sự hồi phục của mảng ngân hàng cốt lõi là khiêm tốn trong khi chất lượng tài sản cải thiện chậm hơn so với kỳ vọng của chúng tôi – thể hiện qua nợ xấu mới hình thành cao hơn dự báo và khó khăn trong việc làm sạch các khoản vay chờ xử lý. Ngoài ra, mảng kinh doanh nguồn vốn ghi nhận kết quả kém tích cực do điều kiện thị trường và không đạt kỳ vọng của chúng tôi.

OCB đang giao dịch với P/B dự phóng năm 2024 là 0,88 lần, thấp hơn đáng kể so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 1,24 lần. P/E dự phóng năm 2024 là 7,2 lần, thấp hơn một chút so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 7,7 lần.

HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giá mục tiêu 13.800đ cho đến khi hoàn thành đánh giá toàn diện hơn.

Xin vui lòng xem nội dung chi tiết về xung đột lợi ích và khuyến cáo cuối báo cáo này

Document downloaded by Toan nt (Techcombank)

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HĐKD (nghìn tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Thu nhập lãi	14.1	18.1	18.8	22.2	26.0
Chi phí lãi	(7.12)	(11.4)	(10.4)	(12.3)	(14.4)
Thu nhập lãi thuần	**6.95**	**6.77**	**8.46**	**9.93**	**11.6**
Lãi thuần HĐ dịch vụ	1.01	0.88	0.69	0.83	0.99
Lãi thuần HĐ KDNH	0.15	0.39	0.45	0.54	0.64
Lãi/lỗ từ mua bán CK	(0.22)	0.65	0.45	0.41	0.33
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0	0	0	0	0
Thu nhập khác	0.64	0.25	0.38	0.38	0.38
Tổng thu nhập HĐ	**8.53**	**8.94**	**10.4**	**12.1**	**13.9**
Chi phí HĐ	(3.08)	(3.17)	(3.63)	(4.02)	(4.51)
LN trước dự phòng	**5.46**	**5.77**	**6.80**	**8.06**	**9.39**
Chi phí dự phòng	(1.07)	(1.63)	(1.79)	(2.22)	(2.51)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	**4.39**	**4.14**	**5.01**	**5.85**	**6.88**
Chi phí thuế TNDN	(0.88)	(0.84)	(1.00)	(1.17)	(1.38)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Lợi nhuận thuần	**3.51**	**3.30**	**4.01**	**4.68**	**5.51**
EPS (đồng)	1,708	1,608	1,626	1,897	2,234
DPS (đồng)	-	-	-	-	-
Slg CP bình quân (triệu đv)	2,055	2,055	2,466	2,466	2,466
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	2,055	2,055	2,466	2,466	2,466
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	2,055	2,055	2,466	2,466	2,466

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	5.15	23.8	12.0	13.6	13.7
Tăng trưởng cho vay KH (%)	17.4	23.3	13.9	15.9	16.0
Tăng trưởng huy động KH (%)	3.44	23.2	14.0	16.0	16.0
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	10.5	22.0	14.2	15.8	15.8
Tăng trưởng VCSH (%)	15.9	12.9	14.6	14.3	14.7
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	22.2	(2.62)	25.1	17.3	16.4
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	28.0	3.08	14.6	10.8	11.9
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	(16.3)	5.68	17.9	18.6	16.5
Tăng trưởng LNTT (%)	(20.5)	(5.69)	21.1	16.7	17.7
Tăng trưởng LN thuần (%)	(20.3)	(5.88)	21.4	16.7	17.7
Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	4.51	4.12	4.10	4.21	4.26
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.63)	(1.46)	(1.43)	(1.40)	(1.38)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	91.0	91.9	92.6	93.0	93.1
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	1.34	1.34	1.49	1.64	1.80
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	24.4	22.2	26.0	29.4	33.6
Chỉ số định giá					
P/E (lần)	6.82	7.25	7.16	6.14	5.22
P/B (lần)	0.95	0.84	0.88	0.77	0.67
Lợi suất cổ tức (%)	-	-	-	-	-

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	0.79	0.78	0.96	1.06	1.30
Tiền gửi tại NHNN	3.23	6.97	6.32	7.49	8.89
Tiền gửi tại các TCTD khác	20.6	33.9	37.3	41.0	45.1
Chứng khoán kinh doanh	0.14	0	0	0	0
Các công cụ tài chính phái sinh	0.36	0.04	0.04	0.04	0.04
Số dư cho vay thuần	**118**	**145**	**166**	**192**	**223**
Tổng dư nợ cho vay	120	148	168	195	226
Dự phòng rủi ro	(1.58)	(2.51)	(2.80)	(3.06)	(3.33)
Chứng khoán đầu tư	**37.3**	**40.3**	**44.7**	**48.5**	**52.6**
CK đầu tư sẵn sàng để bán	37.4	40.3	44.8	48.5	52.6
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	0	0	0	0	0
Dự phòng rủi ro	(0.03)	(0.04)	(0.01)	(0.01)	(0.01)
Đầu tư dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	0.58	0.55	0.60	0.64	0.69
Tài sản khác	12.7	12.3	13.3	14.4	15.5
Tổng tài sản	**194**	**240**	**269**	**305**	**347**
Nợ phải trả	**169**	**212**	**236**	**268**	**304**
Tiền gửi của NHNN	2.59	0.09	0.09	0.09	0.09
Tiền gửi của các TCTD khác	22.6	31.0	32.9	34.2	35.6
Tổng tiền gửi KH	102	126	144	167	193
Trái phiếu và CCTG	32.0	37.8	43.5	50.0	57.5
Nợ khác	9.26	16.7	16.1	17.0	17.9
Vốn chủ sở hữu	**25.3**	**28.5**	**32.7**	**37.4**	**42.9**
Vốn điều lệ	13.7	20.5	24.7	24.7	24.7
Thặng dư vốn cổ phần	1.70	0.05	0.05	0.05	0.05
Lợi nhuận giữ lại	7.08	5.35	4.79	8.79	13.5
Quỹ & vốn khác của CSH	2.79	2.59	3.20	3.88	4.68
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	**194**	**240**	**269**	**305**	**347**
BVPS (đồng)	12,299	13,887	13,264	15,161	17,395

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	41.1	37.0	38.4	38.7	39.6
ROAA (%)	1.85	1.52	1.58	1.63	1.69
ROAE (%)	14.9	12.3	13.1	13.3	13.7
Chi phí huy động BQ (%)	4.55	6.41	5.01	5.23	5.37
Lợi suất gộp BQ (%)	8.17	9.08	8.00	8.33	8.55
Lợi suất thuần (%)	3.62	2.67	2.99	3.10	3.18
Tỷ lệ NIM (%)	4.04	3.39	3.59	3.72	3.80
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	11.9	9.87	6.63	6.91	7.14
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	81.4	75.7	81.1	82.1	83.1
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	18.6	24.3	18.9	17.9	16.9
Tỷ lệ CIR (%)	36.1	35.5	34.8	33.3	32.4
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	-	-	-	-	-
Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	11.3	11.3	11.3	11.3	11.3
VCSH/Tổng TS (%)	13.0	11.9	12.2	12.2	12.4
Đòn bẩy vốn (lần)	7.68	8.41	8.22	8.17	8.09
Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	2.23	4.66	3.09	2.69	2.49
Hệ số LLR (%)	59.2	36.4	53.8	58.2	58.9
Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	117	117	117	117	117
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	14.4	15.9	15.0	13.6	12.4
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	61.8	61.5	62.6	63.9	65.2
Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	144	149	154	159	164
Số lượng nhân viên	6,355	6,673	7,006	7,356	7,724

*Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.*
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Xin vui lòng xem nội dung chi tiết về xung đột lợi ích và khuyến cáo cuối báo cáo này

Document downloaded by Toan nt (Techcombank)

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH
Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI
Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn

Xin vui lòng xem nội dung chi tiết về xung đột lợi ích và khuyến cáo cuối báo cáo này

Document downloaded by Toan nt (Techcombank)